Phụ lục V:
TỔNG HỢP ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Nghị quyết số 98/2022/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nam Định)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Nguồn vốn	Thủ tướng Chính phủ giao tại Quyết định số 1535/QĐ-TTg ngày 15/9/2021	HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021	Điều chỉnh Tăng (+) Giảm (-)	Tổng số vốn NSĐP giai đoạn 2021- 2025 sau điều chỉnh			
					Tổng số giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch năm 2021 đã giao	Kế hoạch năm 2022 đã giao	Còn lại giai đoạn 2023-2025
A	**TỔNG NGUỒN**	13.167.900	34.761.647	+6.428.353	41.190.000	5.023.222	3.469.160	32.697.618
1	***Vốn đầu tư XDCB vốn tập trung trong nước***	3.879.169	3.879.169	-	3.879.169	686.760	669.160	2.523.249
2	***Vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất***	9.102.731	28.996.478	+5.308.353	34.304.831	3.182.462	2.564.000	28.558.369
	- Trung ương giao	9.102.731	9.102.731		9.102.731	2.000.000	2.130.000	4.972.731
	- Tỉnh giao tăng	-	19.893.747	+5.308.353	25.202.100	1.182.462	434.000	23.585.638
3	***Vốn đầu tư từ nguồn thu sổ xố kiến thiết***	186.000	186.000	-	186.000	34.000	36.000	116.000
	- Trung ương giao	186.000	186.000	-	186.000	34.000	34.000	116.000
	- Tỉnh giao tăng	-		-		-	2.000	-
4	***Ngân sách tỉnh giao tăng***	-	1.700.000	+1.120.000	2.820.000	1.120.000	200.000	1.500.000
B	**PHÂN BỔ CHI TIẾT**		34.761.647	+6.428.353	41.190.000	5.023.222	3.469.160	32.697.618

TT	Nguồn vốn	Thủ tướng Chính phủ giao tại Quyết định số 1535/QĐ-TTg ngày 15/9/2021	HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021	Điều chỉnh Tăng (+) Giảm (-)	Tổng số vốn NSĐP giai đoạn 2021- 2025 sau điều chỉnh			
					Tổng số giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch năm 2021 đã giao	Kế hoạch năm 2022 đã giao	Còn lại giai đoạn 2023-2025
B.1	**PHÂN CẤP NGÂN SÁCH TỈNH**		**31.907.422**	**+5.327.438**	**37.234.860**	**3.592.730**	**3.111.910**	**30.530.220**
I	**Phần tỉnh trực tiếp quản lý, điều hành**		**12.071.502**	**+3.625.850**	**15.697.352**	**2.386.760**	**1.626.410**	**11.684.182**
1	***Bố trí vốn thực hiện các dự án tỉnh trực tiếp quản lý điều hành***		***12.071.502***	***+3.625.850***	***15.697.352***	***2.386.760***	***1.626.410***	***11.684.182***
II	**Phần các huyện, thành phố chủ động dự kiến danh mục dự án và số vốn phân bổ chi tiết cho từng dự án theo đúng quy định tại Nghị quyết số 53/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021 của HĐND tỉnh**		**19.835.920**	**+1.701.588**	**21.537.508**	**1.205.970**	**1.485.500**	**18.846.038**
1	***Tiền thu từ sử dụng đất các khu đô thị, khu (điểm) dân cư tập trung, khu tái định cư; các khoản thu từ khu đất giao cho nhà đầu tư theo hình thức lựa chọn nhà đầu tư để thực hiện dự án trên địa bàn thành phố Nam Định***		***5.477.966***	***-146.635***	***5.331.331***	***300.363***	***360.000***	***4.670.968***
2	***Tiền thu từ sử dụng đất các khu đô thị, khu (điểm) dân cư tập trung, khu tái định cư, các khoản thu từ khu đất giao cho nhà đầu tư theo hình thức lựa chọn nhà đầu tư trên địa bàn các huyện***		***14.357.954***	***+1.848.223***	***16.206.177***	***905.607***	***1.125.500***	***14.175.070***
B.2	**PHÂN CẤP NGÂN SÁCH HUYỆN, THÀNH PHỐ, THỊ TRẤN, XÃ**		**2.854.225**	**+1.100.915**	**3.955.140**	**1.430.492**	**357.250**	**2.167.398**